

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2019.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Công Lý.

2 Ông Ngô Hoàng Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Mỹ X, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ X trình bày: Chị X và anh T quen nhau và được hai gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2009. Đến ngày 06/10/2011 anh chị mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình sống chung chị với anh T có một đứa con chung tên là Nguyễn Tô Ngọc C, sinh ngày 28/11/2009, hiện con đang sống với anh T. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, tuy nhiên đến đầu năm 2016 thì giữa chị với anh

T thường phát sinh mâu thuẫn, do anh T hay cờ bạc chị đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T vẫn không thay đổi nên dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay đã trên 04 tháng. Giữa chị với anh T không có tài sản chung và nợ chung.

Nay nhận thấy tình cảm giữa chị với anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị X yêu cầu xin ly hôn với anh T, về con chung chị đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng, do trước đây chị đi làm thuê nên có thu nhập, nhưng hiện tại chị đang thất nghiệp, không có thu nhập nên chỉ có khả năng cấp dưỡng hàng tháng cho con với mức là 800.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:* Anh T thống nhất lời trình bày của chị X về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý bởi vì anh còn thương vợ và muốn hàn gắn. Lúc chị X bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở thì anh có chở mẹ ruột anh qua để hàn gắn nhưng Xuyên không muốn gặp, không có nói gì tới anh. Trường hợp X cương quyết ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết mà anh không ý kiến gì. Về con chung thì theo nguyện vọng của con, theo người nào thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, bên không nuôi có tiền thì cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thì giữa anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị X được ly hôn với anh T; về con chung: giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng, về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đình T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 tuy nhiên phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Tại phiên tòa chị X thay đổi một phần nội dung khởi kiện là về mức cấp dưỡng chị X đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh T thống nhất hai người tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2011. Lời trình bày của chị X và anh T phù hợp với tài liệu cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 168/2011 ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L (BL 05) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị X, thời gian đầu hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, hiện chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay là trên 04 tháng nên chị xin ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, trường hợp chị X cương quyết ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị X và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện hai vợ chồng đã ly thân trên 04 tháng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị X xác định hiện không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh T nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn được. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị X và anh T thống nhất có một con chung tên Nguyễn Tô Ngọc C, sinh ngày 28/11/2009 hiện đang sống với anh T. Tại phiên tòa chị X đồng ý tiếp tục giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cũng có ý kiến là con theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu Chấm có cuộc sống ổn định và đang đi học bên gia đình anh T, nên HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống của cháu. Đồng thời, cháu Chấm cũng có nguyện vọng là được sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Từ đó, xét lời trình bày của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận. Dành quyền cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị X đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng. Anh T chỉ yêu cầu ai không trực tiếp nuôi dưỡng con có tiền thì cấp dưỡng. Xét thấy, đối với mức cấp dưỡng 800.000 đồng cũng phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của chị X, đồng thời cũng đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cháu Chấm ở thời điểm hiện tại. Do đó, xét lời trình bày của nguyên đơn và đề nghị

của Kiểm sát viên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Buộc nguyên đơn chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con là 800.000 đồng/tháng, cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày tuyên án.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị X và anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Đình T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ X được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Đình T.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Tô Ngọc T, sinh ngày 28/11/2009 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Tô Thị Mỹ X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị X thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Tô Thị Mỹ X có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 800.000 đồng/tháng (tám trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng lần đầu kể từ ngày tuyên án 27/6/2019.

Địa điểm cấp dưỡng: tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu

số 0008120 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, chị X còn phải nộp thêm tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND thị trấn Phú L, huyện Thạnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Toàn